

## *Dàn ý phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân*

### **Mở bài**

- Kim Lân thuộc lớp các nhà văn đã thành danh từ trước Cách mạng Tháng 8 – 1945 với những truyện ngắn nổi tiếng về vẻ đẹp văn hoá xứ Kinh Bắc. Ông gắn bó với thôn quê, từ lâu đã am hiểu người nông dân. Đi kháng chiến, ông tha thiết muốn thể hiện tinh thần kháng chiến của người nông dân

- Truyện ngắn Làng được viết và in năm 1948, trên số đầu tiên của tạp chí Văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc. Truyện nhanh chóng được khẳng định vì nó thể hiện thành công một tình cảm lớn lao của dân tộc, tình yêu nước, thông qua một con người cụ thể, người nông dân với bản chất truyền thống cùng những chuyển biến mới trong tình cảm của họ vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

### **Thân bài**

1. Truyện ngắn Làng biểu hiện một tình cảm cao đẹp của toàn dân tộc, tình cảm quê hương đất nước. Với người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến thì tình yêu làng xóm quê hương đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có chuyển biến mới.

2. Thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở một con người, nhân vật ông Hai. Ở ông Hai tình cảm chung đó mang rõ màu sắc riêng, in rõ cá tính chỉ riêng ông mới có.

a. Tình yêu làng, một bản chất có tính truyền thống trong ông Hai.

- Ông hay khoe làng, đó là niềm tự hào sâu sắc về làng quê.

- Cái làng đó với người nông dân có một ý nghĩa cực kì quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần.

b. Sau cách mạng, đi theo kháng chiến, ông đã có những chuyển biến mới trong tình cảm.

- Được cách mạng giải phóng, ông tự hào về phong trào cách mạng của quê hương, về việc xây dựng làng kháng chiến của quê ông. Phải xa làng, ông nhớ quá cái không khí "đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá..."; rồi ông lo "cái chòi gác,... những đường hầm bí mật,..." đã xong chưa?

- Tâm lí ham thích theo dõi tin tức kháng chiến, thích bình luận, náo nức trước tin thắng lợi ở mọi nơi "Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai dăm khẩu, tích tiểu thành đại, làm gì mà thằng Tây không bước sớm".

c. Tình yêu làng gắn bó sâu sắc với tình yêu nước của ông Hai bộc lộ sâu sắc trong tâm lí ông khi nghe tin làng theo giặc.

- Khi mới nghe tin xấu đó, ông sững sờ, chưa tin. Nhưng khi người ta kể rành rọt, không tin không được, ông xấu hổ lảng ra về. Nghe họ chì chiết ông đau đớn cúi gằm mặt xuống mà đi.

- Về đến nhà, nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ vì chúng nó "cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi". Ông giận những người ở lại làng, nhưng điếm mặt từng người thì lại không tin họ "đổ đôn" ra thế. Nhưng cái tâm lí "không có lửa làm sao có khói", lại bắt ông phải tin là họ đã phản nước hại dân.

- Ba bốn ngày sau, ông không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp. Ông luôn hoảng hốt giật mình. Không khí nặng nề bao trùm cả nhà.

- Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt: Đã có lúc ông muốn quay về làng vì ở đây tủi hổ quá, vì bị đẩy vào bế tắc khi có tin đồn không đâu chứa chấp người làng chợ Dầu. Nhưng tình yêu nước, lòng trung thành với kháng chiến đã mạnh hơn tình yêu làng nên ông lại dứt khoát: "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù". Nói cứng như vậy nhưng thực lòng đau như cắt.

- Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ được bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông chửi nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ. Thực chất đó là lời thanh minh với cụ Hồ, với anh em đồng chí và tự nhủ mình trong những lúc thử thách căng thẳng này:

+ Đứa con ông bé tí mà cũng biết giơ tay thề: " ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!" nữa là ông, bố của nó.

+ Ông mong "Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông".

- Qua đó, ta thấy rõ:

+ Tình yêu sâu nặng đối với làng chợ Dầu truyền thống (chứ không phải cái làng đổ đôn theo giặc).

+ Tấm lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng với kháng chiến mà biểu tượng của kháng chiến là cụ Hồ được biểu lộ rất mộc mạc, chân thành. Tình cảm đó sâu nặng, bền vững và vô cùng thiêng liêng : có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai tột cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.

+ Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí "Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước" của người nông dân lao động bình thường.

+ Việc ông kể rành rọt về trận chống càn ở làng chợ Dầu thể hiện rõ tinh thần kháng chiến và niềm tự hào về làng kháng chiến của ông.

3. Nhân vật ông Hai để lại một dấu ấn không phai mờ là nhờ nghệ thuật miêu tả tâm lí tính cách và ngôn ngữ nhân vật của người nông dân dưới ngòi bút của Kim Lân.

- Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

- Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.

- Ngôn ngữ của Ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.

### **C. Kết bài:**

- Qua nhân vật ông Hai, người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.

- Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yêu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn Làng của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.

### ***Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng (mẫu 1)***

Kim Lân là nhà văn có sở trường viết truyện ngắn. Hầu hết các tác phẩm của ông chỉ viết về sinh hoạt của nông dân và cảnh ngộ của người nông dân. Truyện Làng được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng lần đầu tiên trên tạp chí Văn Nghệ xuất bản năm 1948. Truyện tập trung nói về lòng yêu nước của ông Hai, lòng yêu nước này xuất phát từ tình yêu nơi chôn nhau cắt rốn của mình và nó đã hoà nhập giữa làng và nước. Tình cảm và ý nghĩa này đã trở thành phổ biến ở nỗi người dân Việt Nam ta trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp.

Qua hình tượng ông Hai, người đọc sẽ hiểu rõ hơn lòng yêu nước của nhân dân ta lúc bấy giờ.

Làng chợ Dầu có chiến sự, ông Hai phải tản cư đến làng Thắng, vùng tự do theo chính sách của cụ Hồ: "Tản cư là yêu nước". Nhưng không phải ra khỏi làng chợ Dầu là ông Hai bỏ lại sau lưng tất cả mà ngược lại, lúc nào ông cũng trông ngóng tin tức và theo dõi những biến chuyển ở làng chợ Dầu. Đó là nơi tổ tiên ông sinh cơ lập nghiệp, nơi ông sinh

ra và lớn lên. Biết bao tình cảm đã gắn bó với cảnh vật, với dân làng nơi mảnh đất quê hương ấy. Bởi lẽ đó mà mỗi khi nói đến làng chợ Dầu, ông nói với giọng “say mê và nao nức lạ thường”, ông Hai đã yêu làng chợ Dầu bằng một tình yêu thật đặc biệt. Ông yêu tất cả những gì ở làng ông: những nhà ngói san sát, đường lát toàn đá xanh, cái sinh phần của viên quan Tổng đốc...

Từ sau Cách mạng tháng Tám, lòng yêu làng quê của ông Hai có những chuyển biến rõ rệt. Trước kia ông hãnh diện vì làng ông giàu có, to đẹp. Giờ đây ông lại tự hào về những cái khác: phong trào cách mạng sôi nổi, những buổi tập quân sự, những buổi đắp ụ, hố, giao thông hào... luôn cả cái phong thông tin, cái chòi phát thanh... Trong con mắt ông Hai, cái gì của làng chợ Dầu cũng đều đáng tự hào hết. Vì vậy từ lúc phải đi tản cư, ông khổ tâm day dứt không nguôi. Quả thật cuộc đời và số phận của ông thật sự gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn của mình đã trở thành truyền thống, là tâm lí chung của mọi người dân lúc bấy giờ.

Chính cách mạng và kháng chiến đã khơi dậy ở những người nông dân tình cảm yêu nước hoà nhập thống nhất với tình cảm làng quê thành một thứ tình cảm rộng lớn nhất. Đến đây, tác giả đã đặt nhân vật vào một tình huống gay gắt để bộc lộ sâu sắc lòng yêu làng, yêu nước của ông Hai. Tình huống ấy là cái tin làng chợ Dầu theo giặc: “Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây”. Nghe tin đột ngột, ông Hai sửng sò “cổ ông lão nghẹn đắng hẳn lại, da mặt tê rân rân”, ông lão lặng đi tưởng như đến không thở được. Ông cảm thấy đau đớn và nhục nhã vì cái làng chợ Dầu yêu quý của mình đã theo giặc Bao nhiêu điều tự hào trước kia giờ đây sụp đổ và nó trở thành nỗi xấu hổ vô cùng. Từ lúc ấy ông Hai không dám đi đâu, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ tưởng như người ta đang bàn tán đến chuyện ấy... Và từ nỗi ám ảnh nặng nề đó trở thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông Hai với nỗi đau xót, tủi hổ trong lòng. Làng và nước trở thành đôi địch. Hai tình cảm này đã dẫn đến một cuộc xung đột nội tâm ở ông Hai. Vì thế có lúc ông nghĩ “làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây thì phải thù”. Rõ ràng tình yêu nước rộng lớn hơn nên bao trùm lên tình yêu làng quê. Mặc dù đã xác định như vậy nhưng ông vẫn không dứt bỏ tình cảm với làng chợ Dầu được, nên nỗi ray rứt ngày càng văng thêm. Phải thật sự am hiểu sâu sắc về con người, nhất là tâm lí của người nông dân nên nhà văn Kim Lân mới diễn tả rất đúng tâm trạng nhân vật ông Hai như vậy.

Từ đó, ông Hai chỉ còn biết trút nỗi khổ tâm vào đứa con nhỏ ngây thơ: “Nhà ta ở làng chợ Dầu”, “ủng hộ cụ Hồ con nhi!” Những lời tâm sự ấy thực chất là tự nhủ với chính mình nhằm khẳng định lòng thủy chung với cách mạng, với kháng chiến mà biểu tượng là cụ Hồ. Lòng yêu nước của ông Hai còn được biểu hiện rõ nét hơn khi nghe tin đình chính: làng bị giặc tàn phá, không theo Tây. Những nỗi lo âu, xấu hốt biến đi thay vào đó là niềm vui mừng khôn xiết nên ông nói bô bô “Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chúạ. Đốt nhẵn!”. Đây quả là một niềm vui kì lạ. Niềm vui mừng thể hiện một cách đau xót và đầy cảm động về tình yêu nước và cách mạng của ông Hai. Đây là tình cảm đặc biệt của ông Hai cũng là tình cảm chung của những nông dân hay đúng hơn là của nhân dân ta lúc bấy giờ, thời kháng chiến chống Pháp. Đối với họ trong lúc này, trước hết và trên hết là

Tổ quốc. Vì Tổ quốc họ sẵn sàng hi sinh tất cả dù đó là tính mạng hay tài sản. Tình yêu nước của nhân dân ta là như thế.

Thành công của Kim Lân là xây dựng theo cốt truyện tâm lí, tạo tình huống có tính căng thẳng thử thách nội tâm nhân vật để từ đó bộc lộ tâm trạng, tính cách nhân vật. Đặt tác phẩm vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp ta mới thấy hết giá trị thành công của nó. Bởi lẽ thông qua nhân vật ông Hai với những ngôn ngữ, cử chỉ, tâm trạng... tiêu biểu là một người nông dân có cá tính riêng: vui tính, thích trò chuyện nhưng cũng ham nói chữ. Đó là nét tâm lí chung của quần chúng. Cách trần thuật tự nhiên, linh hoạt khiến cho truyện sinh động, hấp dẫn hơn.

Tóm lại, Làng của Kim Lân là một truyện ngắn đặc sắc, khai thác một tình cảm bao trùm và phổ biến trong con người thời kì kháng chiến: tình cảm quê hương, đất nước. Đây là một tình cảm mang tính cộng đồng. Nhưng thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện cụ thể, sinh động ở một con người, trở thành một nét tâm lí sâu sắc ở nhân vật ông Hai. Vì thế nó là tình cảm chung mà lại mang màu sắc riêng, tô đậm rõ cá tính của nhân vật. Tình yêu làng quê, yêu đất nước, yêu kháng chiến của nhân vật ông Hai trong truyện là tình cảm thực sự của nhân dân ta trong thời kháng chiến. Truyện giúp ta hiểu, yêu mến và khâm phục biết bao những người nông dân bình dị, chất phác mà lại có lòng yêu nước tha thiết và cao cả đến thế.

### ***Phân tích nhân vật ông Hai trong tác phẩm Làng (mẫu 2)***

Nếu như trước Cách mạng Tháng Tám, Ngô Tất Tố mang tới một chị Dậu với sức sống mãnh liệt của người nông dân, Nam Cao mang tới một Lão Hạc đầy lòng tự trọng và tình yêu thương con vô bờ bến,... thì sau Cách mạng Tháng Tám, Kim Lân – nhà văn nông dân – mang tới cho bạn đọc hình ảnh người nông dân thời kì đổi mới. Đó chính là nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” với tình yêu làng quê và lòng yêu nước sâu đậm, tha thiết.

Sinh ra và lớn lên nơi làng quê Việt Nam, giữa những người nông dân chất phác, nhà văn Kim Lân đã sớm gắn bó và am hiểu sâu sắc về cuộc sống ở nông thôn, sáng tác nhiều tác phẩm về đề tài này. Trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, khi người dân miền Bắc được lệnh tản cư, ông lại một lần nữa khắc họa hình ảnh người nông dân trong truyện ngắn “Làng”, không phải trong những vấn đề thường nhật, mà về tình yêu làng quê và đất nước của những con người chân lấm tay bùn ấy. Tác phẩm được đăng lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948, đánh dấu bước chuyển biến tích cực trong hình tượng người nông dân và nhân thức của họ, đặc biệt qua nhân vật ông Hai.

Nét tính cách đầu tiên và dễ nhận thấy nhất ở ông Hai là tình yêu tha thiết đối với làng ông. Đối với người nông dân, làng không chỉ là một đơn vị hành chính, địa lí. Ở đó chứa đựng cuộc sống của họ, tất cả những gì gần gũi và thân thuộc với họ. Làng chính là quê hương, là cuộc đời họ. Ông Hai cũng vậy, ông có tính hay khoe làng với tất cả niềm hãnh diện. “Ông nói về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai mắt ông sáng

hắn lên, khuôn mặt biến chuyển hoạt động.” Tình yêu làng đã biến ông Hai thành một con người hoàn toàn khác so với một ông Hai bị gò bó, tù túng trong căn bếp tản cư. Một nguồn sinh lực mới như dồi dào trong ông lúc đó. Tối này đến tối khác, ông nói đi nói lại về cái làng của ông.

Kim Lân điểm nhịp câu chuyện bằng những lời trách móc ông hàng xóm chẳng ý không nghe chuyện, nhưng kỳ thực là để cho ta thấy rằng ông Hai không thực sự cần bác Thứ nghe, ông nói cho chính mình, nói để cho sướng miệng và cũng để thỏa nỗi nhớ làng. “Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. [...] Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.” Những ký ức về làng xưa, xóm cũ trở thành niềm an ủi, động viên ông Hai mỗi khi chán nản. Chỉ cần được ở lại làng, cùng chiến đấu với anh em thì như có một luồng sinh lực mới chảy dồi dào trong ông, và dù có gian khổ, khó nhọc, nguy hiểm đến bao nhiêu ông cũng chịu được. Hình ảnh đó hoàn toàn trái ngược với ông Hai lúc nào cũng buồn chán, bức bối, không biết làm gì trong căn bếp tản cư. Thế nhưng đó cũng chỉ là hồi ức, một hồi ức tươi vui và đầy tự hào đến nỗi mỗi khi nhớ lại, trong ông lại trào dâng một nỗi nhớ khôn nguôi : “Ông Hai nhớ cái làng, nhớ cái làng quá.” Với ông, ngôi làng của ông vốn đã là một điều gì đó vô cùng thiêng liêng và đẹp đẽ. Nay ở trong căn bếp tản cư chật hẹp, cái làng ấy lại càng đẹp hơn, trở thành một niềm mong ước, khao khát mãnh liệt. Điều đó hoàn toàn không phải phóng đại. Tâm sự của ông Hai là tâm sự của một người gắn bó với làng tha thiết, yêu làng bằng một niềm tự hào chân chính.

Tình yêu làng của ông Hai được thể hiện nổi bật và đậm nét nhất khi ông nghe tin làng ông theo Tây. Như sét đánh ngang tai, ông từ chối tin vào điều đó. “Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng chừng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ.” Nếu như tin dữ ấy là cái làng đẹp đẽ của ông bị đốt trụi, nhà cửa, ruộng vườn của ông bị cướp mất thì có lẽ ông cũng không đau khổ bằng tin làng mình theo Tây. Tội nghiệp ông lão vui tính, xởi lởi giờ đây phải “cúi gằm mặt đi thẳng”, “nước mắt ông cứ tràn ra”. Giá ông không quá yêu làng, không quá tự hào về làng thì ông đã không thấy tủi nhục đến thế. Mấy chữ “cả làng chúng nó Việt gian theo Tây” như găm vào trái tim ông, vào niềm tự hào về cái làng mà ông yêu vô cùng. Tất cả những gì ông trân trọng giữ gìn trong tim giờ đây như đều sụp đổ tan tành.

Ông không chấp nhận được sự thật ấy và đấu tranh nội tâm dữ dội. Lúc đầu là nghi ngại (“Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được ?”), nhưng sau đó là đau đớn khi được biết những bằng chứng rõ ràng (“Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi”). Phải thừa nhận cái tin đó, không thể nào tả được nỗi đau của ông lúc ấy. “Chao ôi ! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian !” Có lẽ trong đời mình, ông Hai chưa từng chịu đựng hay thậm chí tưởng tượng được một nỗi đau, nỗi nhục như thế. Những tiếng ấy như thốt lên từ trái tim bị tổn thương, từ niềm tự hào bị chà đạp của ông, khiến người đọc cũng như cảm nhận được nỗi xót xa, tủi nhục của ông lúc ấy. Mà ông Hai đâu chỉ đau cho mình, đau cho làng, mà ông còn đau cho những người đồng hương, đồng cảnh ngộ. “Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa ?” Có thể những con người ấy trước kia có hiềm khích với ông, nhưng trước nỗi

đau, nổi nhục quá lớn này, tình yêu làng trở lên thật mạnh mẽ và đánh thức tình đồng hương trong ông. Kim Lân đã rất tài tình khi sử dụng hàng loạt câu cảm, câu hỏi liên tiếp trong nghệ thuật độc thoại nội tâm để lột tả sự đau khổ, xót xa, uất ức mà ông Hai phải chịu đựng. Lúc này đây, làng không chỉ là nơi chôn rau cắt rốn nữa, mà là một cái gì đó lớn lao hơn, là lòng tự trọng, là danh dự.

Không chỉ thế, tình yêu làng còn trở thành một nỗi ám ảnh day dứt trong ông, buộc ông phải lựa chọn giữa làng và nước. Nếu lúc trước ông tự hào, ông thao thao bất tuyệt về làng mình bao nhiêu thì bây giờ ông xấu hổ, trốn tránh bất nhiều. Cái tin đồn quái ác kia trở thành một nỗi ám ảnh, một nỗi sợ vô hình luôn đè nặng lên tâm trí ông. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít.

Thôi lại chuyện ấy rồi !” Lẽ thường tình, khi người ta suy nghĩ quá nhiều về một điều gì đó, lúc nào ta cũng có cảm tưởng những người khác cũng như vậy. Thế thì nỗi ám ảnh và lo sợ của ông Hai phải lớn đến chừng nào để ông bị dẫn vật tới vậy ! Lòng yêu làng của ông phải lớn biết chừng nào ! Kim Lân đã diễn tả rất cụ thể và sâu sắc tâm trạng nặng nề ấy, vì bản thân tác giả cũng từng gặp hoàn cảnh tương tự. Ông Hai đã trải qua những giờ phút không thể đau đớn và tủi hổ hơn khi bị chủ nhà nói móc nói máy để đuổi khéo. Người đọc như cảm nhận được từng lời từng chữ của ngụ ngôn xoáy sâu vào tình yêu làng vốn đã quá tổn thương của ông. Dù đã dứt khoát đi theo kháng chiến, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm sâu đậm với làng quê, và vì thế mà ông càng đau xót, tủi hổ hơn.

Bên cạnh tình yêu làng, nhân vật ông Hai còn ghi dấu trong mắt người đọc bằng lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến. Ông luôn theo sát tin tức kháng chiến và tự hào về những chiến công mà nhân dân ta đã lập nên. “Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá !” Nhưng đến khi phải lựa chọn giữa làng và nước, tình yêu ấy mới bộc lộ rõ rệt. Dù bị tin đồn làng mình theo Tây dồn vào “tuyệt đường sinh sống”, ông vẫn nhất quyết không trở về làng. Đến đây, ta mới hiểu rõ về con người hay chuyện tưởng chừng rất đơn giản, bộc trực kia. Tình yêu làng giờ đây đã trở thành tình yêu có ý thức, hòa nhập và lòng yêu nước. “Về làm gì cái làng ấy nữa. Về làng là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ.” Nhớ lại những tháng ngày đen tối bị đàn áp xưa kia, ông đã có quyết định rõ ràng, đúng đắn. Là người nông dân chân lấm tay bùn nhưng ông Hai có nhân thức cách mạng rõ ràng : “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.” Nhận thức rất mới này là một nét đặc biệt trong tính cách của ông Hai, đánh dấu sự thay đổi của người nông dân sau Cách mạng Tháng Tám.

Ông luôn luôn muốn được giải bày nỗi lòng ấy của mình. Tuy nói chuyện với đứa con, nhưng thực chất ông đang mượn lời đứa trẻ để bày tỏ tâm sự. Những gì đứa trẻ nói chính là những gì đang dâng trào trong lòng ông mà không nói ra được. “Ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ.” Ông Hai nói với đứa con như thể nói với anh em đồng chí, để mình oan cho tấm lòng thành thật của mình, để nỗi khổ tâm trong lòng như vơi đi được đôi phần. Lòng

yêu nước của ông thật giản dị nhưng vô cùng chân thành, sâu sắc và cảm động. Chính điều ấy đã giúp ông chịu đựng được tin đồn quái ác về làng mình, vì ông có niềm tin vào cách mạng, vào kháng chiến. Từ đây, ông Hai nói riêng hay người nông dân nói chung, đã nhìn rộng hơn, xa hơn lũy tre làng. Không chỉ yêu làng, trong ông còn có một tình yêu lớn gấp nhiều lần – lòng yêu nước.

Đến khi tin làng chợ Dầu theo giặc được cải chính, tình yêu làng, yêu nước của ông Hai mới được vẽ lên hoàn chỉnh. Ông Hai như sống lại. “Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên.” Một lần nữa, tình yêu làng, yêu nước của ông được thể hiện một cách chân thực, cảm động. Nguồn sinh lực ngày nào lại trở về trong ông. Ông Hai lại là ông Hai xưa. Ông lại nói về làng mình, về “Tây nó đốt nhà tôi rồi, đốt hẳn !” Niềm vui sướng của ông được thể hiện thật hồn nhiên, chân thật và rất mãnh liệt. Có lẽ không ai trên đời lại đi khoe, đi mừng việc nhà mình bị đốt như thế. Nhưng với ông Hai, điều đó đâu có là gì so với niềm vui khi thanh danh của làng được rửa. Vì sự mất mát ấy cũng là sự hồi sinh của một làng Chợ Dầu mà ông hằng yêu và xứng đáng với tình yêu ấy : làng Chợ Dầu kháng chiến. Tình yêu làng là cơ sở, là biểu hiện hùng hồn nhất của tình yêu nước trong ông Hai. Quả đúng như nhà văn I-li-a Ê-ren-bua đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê làm nên lòng yêu tổ quốc.” Nếu so với lão Hạc của Nam Cao hay chị Dậu của Ngô Tất Tố trước Cách mạng tháng Tám – những người nông dân cả cuộc đời đầu tắt mặt tối trong ruộng vườn thì nhân vật ông Hai đã có nhận thức rõ ràng về cách mạng, về kháng chiến. Ông đã nhận ra rằng: Đất nước còn thì làng còn, đất nước mất thì làng cũng mất. Đây không chỉ là sự thay đổi trong suy nghĩ người nông dân, mà còn là suy nghĩ của mỗi người dân Việt Nam thời điểm đó. Họ sẵn sàng hy sinh những cái riêng, những cái nhỏ vì sự nghiệp chung, vì cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Họ không hề quên đi cội nguồn của mình mà gìn giữ nơi ấy ở trong tim, biến thành động lực chiến đấu để giải phóng đất nước, giải phóng quê hương.

Truyện ngắn “Làng” đã xây dựng thành công nhân vật ông Hai, đặc biệt qua tình huống làng Chợ Dầu bị đồn là theo Tây. Nguyễn Minh Châu từng nói : “Tình huống là một loại sự kiện đặc biệt của đời sống, được sáng tạo ra theo hướng lạ hóa. Tại đó, vẻ đẹp nhân vật hiện ra sắc nét, ý nghĩa tư tưởng phát lộ toàn diện.” Kim Lân đã sáng tạo được một tình huống truyện có tính căng thẳng để thử thách nhân vật. Nó đã cho ta thấy chiều sâu của nhân vật ông Hai, những nét tính cách, những chuyển biến trong nhận thức và tính cảm của ông, và hơn hết là tình yêu làng, yêu nước tha thiết. Nhà văn cũng vô cùng thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, khi thì miêu tả cử chỉ hành động, khi thì độc thoại nội tâm, độc thoại, đối thoại để lột tả tính cách nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện rất linh hoạt, tự nhiên, lúc dềnh dàng, lúc đột ngột tùy theo diễn biến. Bên cạnh đó, tác giả vốn am hiểu cuộc sống nông thôn nên ngôn ngữ của ông Hai là khẩu ngữ, rất bình dị và gần gũi, đậm chất nông dân. Với nhân vật ông Hai, Kim Lân quả thực rất xứng đáng là một cây bút “quý hồ tinh, bất quý hồ đa”.

Nguyễn Đình Thi từng viết rằng: “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn



đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.” Truyện ngắn “Làng” đã được viết nên từ những điều nhà văn từng trải nghiệm, khắc họa một cách chân thực nhất những tháng ngày đi tản cư của nhân dân miền Bắc trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, cũng như những chuyển biến trong nhận thức và tình cảm của họ.. Thông qua nghệ thuật xây dựng tình huống truyện và miêu tả tâm lí, ngôn ngữ nhân vật, Kim Lân đã mang đến cho bạn đọc nhân vật ông Hai với tình yêu làng quê và lòng yêu nước sâu đậm, thiết tha.

### ***Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân (mẫu 3)***

Truyện ngắn Làng của Kim Lân đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên về nhân vật ông Hai, một nông dân yêu mến, gắn bó với quê hương bằng một tình cảm thiết tha, sâu nặng.

Ông Hai có một tình yêu làng quê thật mãnh liệt. Mỗi khi nói đến cái làng Chợ Dầu quê ông nổi tiếng khắp vùng Kinh Bắc, ông đều kể bằng giọng say mê náo nức lạ thường. Nào là làng mình nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh; nào là đường làng toàn lát đá xanh, trời mưa đi từ đầu làng đến cuối làng không hề lấm gót, ngày mùa phơi thóc phơi rom thì tốt thượng hạng... Yêu mến, hãnh diện về làng mình, nên ông Hai mắc tật hay khoe. Theo ông thì cái gì của làng Chợ Dầu quê ông cũng hơn hẳn thiên hạ.

Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, cuộc sống của gia đình ông Hai có nhiều thay đổi, duy niềm tự hào về làng Chợ Dầu dường như vẫn y nguyên. Ở nơi tản cư, ông hay kể cho mọi người nghe về làng mình với những hố, những ụ chống càn, những giao thông hào chằng chịt như mạng nhện, những cụ phụ lão râu tóc bạc phơ vẫn tập đi một, hai, một, hai... Làng ông có chòi phát thanh cao nhất vùng, có nhà thông tin rộng rãi sáng sủa nhất vùng... Ông Hai rất kiêu hãnh về phong trào kháng chiến sôi nổi của làng Chợ Dầu. Ông đã tích cực cùng mọi người đào đường đắp lũy, rào làng kháng chiến, góp phần vào những thành tích đáng tự hào của quê hương.

Tình yêu làng của ông Hai được thể hiện một cách cảm động trong những ngày buộc phải tản cư. Mọi niềm vui, nỗi khổ của ông gắn liền với vận mệnh của làng Chợ Dầu kháng chiến. Nghe tin đồn dân làng Chợ Dầu làm Việt gian theo Tây, ông Hai vô cùng đau khổ: Cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân, ông lão lặng đi tưởng như không thở được.

Ông cảm thấy đau đớn vì làng Chợ Dầu yêu quý của ông đã rời bỏ Cách mạng. Không chịu nổi sự nhục nhã, ông vờ đứng lảng ra chỗ khác rồi cúi gằm mặt xuống mà đi. Về đến nhà, ông nằm vật ra giường, nước mắt cứ dàn ra. Đau đớn, xấu hổ, ông Hai lúc nào cũng nơm nớp lo sợ người ta để ý, bàn tán về dân làng Chợ Dầu theo giặc. Có lúc uất quá, ông nắm chặt tay, nghiến răng nguyên rủa: Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này! Có lẽ đây là lần đầu tiên ông Hai oán giận làng mình. Không thể san sẻ với người ngoài, ông chỉ còn biết tâm sự với những đứa con cho vui nỗi đau.

Nhưng rồi nỗi đau khổ, nhục nhã đã được thay thế bằng niềm vui sướng, hân hoan. Ông Hai báo với mọi người cái tin làng ông bị giặc phá, nhà ông bị giặc đốt: Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn... cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả! Ông Hai mừng rỡ vì dân làng Chợ Dầu vẫn trung thành với kháng chiến. Làng Chợ Dầu vẫn xứng đáng với niềm tự hào của ông Hai. Không nén nổi cảm xúc, ông Hai múa tay lên mà khoe. Mọi nỗi khổ, niềm vui của ông không bó hẹp trong sự bình yên của bản thân và gia đình mà tất cả đều vì làng Chợ Dầu quê hương ông.

Mỗi người Việt Nam đều yêu thương, gắn bó với quê hương mình. Đó là nơi tổ tiên ông cha sinh cơ lập nghiệp đã bao đời. Đó là nơi chôn rau cắt rốn, nơi có những người thân yêu đang cần cù làm lụng một nắng hai sương. Vì vậy, lòng yêu mến làng quê đã trở thành tình cảm truyền thống của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là người nông dân Việt Nam. Yêu làng cũng là yêu nước. Ông Hai đã buồn vui, sướng khổ, đã kiêu hãnh, tự hào vì làng Chợ Dầu quê hương ông. Đó chính là vẻ đẹp mới trong tâm hồn người nông dân thời kháng chiến chống Pháp đã được nhà văn Kim Lân khám phá và thể hiện.

#### ***Phân tích nhân vật ông Hai trong văn bản Làng của Kim Lân (mẫu 4)***

Cách mạng tháng Tám thành công đã đem đến một “làn gió mới cho dân tộc ta, lật trang sử đất Việt sang một trang mới. Đất nước đổi khác, xã hội cứ theo đà mà ngày một tiến lên, con người Việt Nam cũng từ đó mà thay đổi. Từ những con người nông nghiệp, lam lũ vất vả, cả đời gắn bó nơi mảnh ruộng làng quê, sau lũy tre làng rì rào trong gió, giờ đây – khi đất nước đổi mới, họ đã thực sự ý thức được thế nào là tự do – tự chủ, lòng tự tôn dân tộc. Ở những người nông dân chân chất, mộc mạc đó xuất hiện một tình cảm mới, một thành quả tất yếu mà cách mạng đem đến: lòng yêu nước, yêu quê hương, làng xóm. Điều này – sự đổi thay đó được thể hiện rất rõ qua nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của Kim Lân. Ông đã đưa tình yêu làng lên tình yêu nước, gắn tình yêu làng với tình yêu cách mạng, nét giống đó mang vẻ đẹp tư tưởng mới ở người nông dân, đã đưa nhân vật ông Hai lên vị trí một điển hình người nông dân trong buổi giao thời mới cũ”.

Nhân vật ông Hai là một điển hình của người nông dân trong buổi giao thời mới cũ, tức là trong buổi đầu của kháng chiến chống Pháp. Ông Hai là một lão nông nghèo, sống trong thời kì mà đất nước ta đang còn đang tồn tại song song hai chế độ: phong kiến và thực dân. Là một con dân của đất Việt, ông cũng như bao người dân thời bấy giờ, “một cỏ mà phải chịu hai tròng”, sống kiếp nô lệ, lầm than. Khi đất nước ta khởi động phong trào chống bọn thực dân xâm lược, ông Hai đã nghe theo tiếng gọi của Tổ quốc, giác ngộ ra chân lí của cách mạng, ông hiểu rằng việc nước có yên thì việc nhà mới ổn. Trong ông, tình yêu làng quê, xóm giềng luôn gắn bó chan hoà với tình yêu đất nước, một lòng một dạ trung hiếu với cách mạng, với Cụ Hồ. Đó là một vẻ đẹp tư tưởng mới mà chỉ những người nông dân trong thời kì này mới có – những con người đã được ánh sáng cách mạng soi sáng, mở đường chỉ lối thoát khỏi cuộc sống khổ sai, nô dịch.

Tình làng nghĩa xóm là một tình cảm sâu nặng thiêng liêng và là đặc trưng của mỗi người Việt Nam, nhất là đối với người nông dân; những con người mà cả cuộc đời gắn bó với làng quê, với lũy tre làng, giếng nước, gốc đa... Cuộc sống của những con người đó là ở làng xóm, quê hương mình.

Chính là mạng sống, là những gì thân thương nhất của cuộc đời họ. Ở ông Hai, tình yêu làng cũng giống như mọi người, nhưng lại rất riêng ở mức độ là một người nông dân suốt cuộc đời sống ở quê hương, gắn bó máu thịt với từng con đường, từng nếp nhà thửa ruộng, từng ngọn cỏ, cành cây và biết bao người ruột thịt, xóm giềng, họ hàng gần xa, vậy mà giờ đây vì giặc ngoại xâm, ông Hai phải xa rời quê hương đi tản cư, sống nhờ nơi đất khách quê người. Do đó, lòng ông luôn đau đáu nhớ về quê hương. Để thoả nỗi mong nhớ ấy, ông Hai suốt ngày khoe về làng mình, khoe đến mức “nghiện” được khoe làng. Tối nào ông Hai cũng sang nhà bác Thứ – một người dân tản cư khác để khoe về làng mình, ông không ngớt lời khoe những cái đẹp, điều hay ở quê hương mình, ông khoe làng ông đẹp nhất nhì thiên hạ, đường làng phong quang, sạch sẽ, cái cổng làng rộng như cái cổng thành. Nào là làng ông là làng sầm uất nhất tỉnh, nào con đường làng toàn lát đá xanh, trời mưa đi bùn không dính gót. Ông khoe với cái giọng “say sưa và náo nức”, cái mặt thì “biến chuyển”, “quần vén lên tận bẹn, không cần để ý đến thái độ của người nghe, chỉ nói cho sướng miệng” và “cho đỡ cái nỗi nhớ làng”. Tính hay “khoe” này cho thấy ông rất tự hào về làng xóm của mình, làng Chợ Dầu thân yêu, tình yêu làng, của ông có thể nói là “nồng nhiệt, thiết tha” nhất!

Nếu như trước Cách mạng, ông Hai chỉ yêu làng mình với những gì cụ thể, hiện hữu nhất, quen thuộc với đời sống sinh hoạt của làng xóm. Ông tự hào về tất cả những gì mà làng xóm mình có, thậm chí ông còn khoe cả cái sinh phần – cái lăng mộ – của viên quan tổng đốc người làng, mặc dầu dân làng ông đã vì nó mà đổ bao mồ hôi xương máu. Thi sau Cách mạng, trong kháng chiến mọi cảm xúc về làng quê của ông đều sống vội đời sống chiến đấu của làng mình, của cả dân tộc. Những khát khao, tự hào, sung sướng của ông đều gắn với cuộc sống kháng chiến.

Ông Hai thường hay nhớ lại những ngày tháng cả làng ông chuẩn bị kháng chiến: đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá, ông cũng hát hò, cũng bông phèng, cũng đào, công cuộc mê man suốt cả ngày như thời trai trẻ “ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra”, “Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá!”.

Ông Hai còn thích nghe tin tức, thích nói chuyện chính trị ông ghét người đọc báo bằng mắt vì khổ nỗi, ông đọc chữ khó khăn lắm nên ông thích những người đọc to, rõ ràng, cho mọi người nghe thấy. Điều này, thể hiện niềm khát khao được biết, được hiểu. Ông muốn tìm hiểu những thông tin hay về kháng chiến, những thông tin cập nhật nhất về việc chiến đấu của quân dân ta. Nghe tin quân ta giành được nhiều thắng lợi mà “ruột gan ông cứ múa cả lên”, quan điểm cách mạng của ông là tích tiểu thành đại, dần dà sẽ thắng được bọn thực dân “làm gì mà rồi thắng Tây không bước sớm”.

Ông khoe và tự hào về hào giao thông làng mình được phân bố rộng, chặt chẽ. Người dân trong làng thì hăng hái tham gia kháng chiến, nào là đào đường, đắp ụ... công việc có ích cho cách mạng, phục vụ công cuộc chiến đấu là làm tất! Cả làng làm, người người làm từ già đến trẻ, từ lớn đến bé đều hăng say làm việc, đoàn kết, giúp đỡ nhau. Ông còn tự hào về phòng phát thanh tuyên truyền vừa rộng, vừa sạch, nơi đây có đủ loại sách báo, cập nhật những tin tức mới nhất về kháng chiến cho người dân. Cho đến khi được giải toả nỗi đau đớn, nghi ngờ về danh dự của làng Chợ Dầu khi nghe tin làng quê ông phản bội. Ông đã sung sướng biết nhường nào! “Cái mặt buồn thỉu mỗi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy...”. Ông tất bật đi chia quà cho con rồi lại “lật đật” đi “khoe”, “bô bô” khoe mọi người cái tin làng ông bị “đốt nhãn”, nhà ông bị “đốt nhãn”. Ông đã sung sướng thông báo rằng: “Tây nó đốt nhà tôi rồi”. Nội dung lời “khoe” của ông có vẻ vô lí vì không có thể vui mừng trước cảnh làng của mình, nhà của mình bị giặc tàn phá, nhưng lại hoàn toàn chân thực. Dường như đối với ông lúc ấy cái sự việc phũ phàng kia là một chứng minh hùng hồn nói với mọi người rằng làng quê ông đã dũng cảm chiến đấu chống quân thù, căn nhà ông bị cháy, bị thiêu huỷ, đã như một dũng sĩ anh hùng ngã xuống vì sự nghiệp chung, là một minh chứng rõ ràng nhất cho sự trong sạch của quê hương ông. Hành động của ông Hai nổi lên rằng: những mất mát về vật chất ấy chẳng thấm vào đâu so với niềm vui tinh thần mà ông được đón nhận, làng ông vẫn là làng kháng chiến, vẫn là niềm tự hào, kiêu hãnh của ông. Ta có thể hiểu được niềm sung sướng, tự hào của một con người đã xoá bỏ hết mọi nghi oan, ngờ vực với “noi chôn rau cắt rốn” của mình. Đặc biệt khi ông Hai lại có tình yêu làng sâu sắc đến vậy! Nghe tin cải chính mà lòng ông như trút được gánh nặng, giải toả mọi nỗi lo toan, sợ hãi, thất vọng, bế tắc của ông.

Ông Hai yêu làng đến vậy, ông luôn tự hào về làng mình đẹp, rộng, thoáng mát, hơn nữa làng Chợ Dầu quê ông lại là làng kháng chiến, một lòng một dạ với cuộc chiến giành độc lập, tự do của dân tộc. Nhưng khi nghe làng ông đi theo Tây, phản bội lại cách mạng, phản bội lại Cụ Hồ ông đã rất đau xót, khổ tâm.

Yêu quê hương đất nước; ông không muốn rời xa làng quê của mình đi sơ tán, ông luôn trụ bám cùng ngôi làng thân yêu. Do hoàn cảnh bắt buộc phải đi nhưng ông Hai có lúc cảm thấy xấu hổ, mặc cảm mình là người chạy trốn, không ở lại với làng, ở lại với anh em đồng bào để cùng chiến đấu vì thế ông thường gắt gỏng những chuyện không đâu. Chỉ khi nghe cán bộ nói “đi tản cư âu cũng là kháng chiến”, đi tản cư cũng là ủng hộ cách mạng, ủng hộ Cụ Hồ, ông Hai mới thoả nỗi lòng. Điều này cho ta thấy ước muốn trực tiếp tham gia kháng chiến đó cũng là biểu hiện cao độ của tình yêu làng.

Đặc biệt, tình yêu quê hương đất nước càng sâu sắc hơn, khi ở nơi tản cư, ông nghe tin làng ông theo Tây. Mới đầu nghe những người tản cư nói giặc qua làng Chợ Dầu, “ông Hai quay phắt lại lấp bấp hỏi” chắc hẳn trong đầu ông lão đang hi vọng làng anh hùng Chợ Dầu sẽ giết được nhiều giặc, lập nhiều chiến công như ông cũng vừa nghe trên báo. Thế nhưng từng lời của người đàn bà “Cả làng chúng nó Việt gian, Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi” như lưỡi dao cắt đứt từng khúc ruột ông. Như không tin vào hiện thực, ông hỏi lại với chút hi vọng nhỏ nhoi “Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại...”. Sự thật

vẫn là sự thật dù ông cố tìm cách lảng tránh, trong lòng đầy tủi hổ. Ông lão đau khổ đến mức “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được”. Cái nghẹn nghẹn ấy phải chăng là sự uất ức, tức giận, ngạc nhiên không thể nuốt trôi? Về nhà, ông nằm vật ra giường “nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu..”. Lũ con ông có tội tình gì đâu cơ chứ, chúng chỉ là những đứa trẻ ngây thơ vô tội thế mà giờ đây, những đứa trẻ đó cũng mang danh là “Việt gian”. Chua xót thay! Ông Hai bắt đầu chửi thề, nhưng ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Ông đau khổ, tủi cực, ông lo không biết rồi tương lai của mình và gia đình sẽ như thế nào vì ai người ta chứa cái giống Việt gian! Suốt mấy hôm ông lão ở ru rú trong nhà, không đi đâu tới nửa bước, chỉ cần nghe người ta nói “Việt gian...” là ông lại chột dạ, lo lắng. Trong ông đang diễn ra một cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt giữa niềm tự hào kiêu hãnh về quê hương với sự thất vọng, đau xót, tủi hổ, nhục nhã vì mang tiếng là dân của làng Chợ Dầu phản bội. Nếu như trước đây, tình yêu làng và tình yêu nước hoà quyện trong nhau thì lúc này, ông Hai buộc phải có sự lựa chọn. Đó không phải là một điều đơn giản vì với ông, làng Chợ Dầu đã trở thành một phần của cuộc đời, không dễ gì dứt bỏ, còn cách mạng lại là cứu cánh của gia đình ông, giúp cho gia đình ông thoát khỏi cuộc đời nô lệ. Qua những ngày đấu tranh tư tưởng, đau đớn, dằn vặt, có lúc ông Hai đã nghĩ đến việc quay về làng, nhưng sau đó ông gạt ra ngay vì về làng là theo giặc, phản bội lại cách mạng, phản bội lại Cụ Hồ, cuối cùng ông Hai đã đi đến quyết định “Làng thì yêu thật, nhưng làng đã theo Tây mất rồi thì phải thù”. “Thù” – thù làng quê của chính bản thân mình là rất khó khăn mà lại thù cái mà mình yêu quý nhất, xem trọng nhất thì càng khó khăn hơn. Nhưng ông Hai đã quyết định, đó là biểu hiện vẻ đẹp trong tâm hồn của con người Việt Nam, khi cần họ sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng. “Đưa tình yêu làng lên trên tình yêu nước, gắn tình yêu làng với tình yêu cách mạng, nét giống đó đã mang vẻ đẹp tư tưởng mới ở những người nông dân” Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám. Ông Hai đã được giác ngộ về ý thức làm chủ, về sự thủy chung với kháng chiến, với Cụ Hồ. Cuộc trò chuyện với đứa con út đã làm ông Hai vui bớt nỗi đau đớn, dằn vặt trong lòng và yên tâm hơn về quyết định của mình. “Anh em đồng chí biết cho bố con ông”, “Cụ Hồ trên đầu trên có xét soi cho bố con ông”, “Cái lòng của bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”. Chính vì không dám đơn sai mà ông Hai đã đi đến quyết định: “Làng thì yêu thật, nhưng làng đã theo Tây mất rồi thì phải thù”. Quyết định đó là sự giác ngộ của người nông dân sau Cách mạng tháng Tám, ý thức được rõ ràng mỗi người dân yêu nước là làm cho đất nước vững mạnh hơn.

Trong kháng chiến, những tâm trạng, những tình cảm ấy người dân Việt Nam nào chẳng có. Nhưng nó thường trực và trở thành sự hồi thúc, bức bách, chi phối mọi tình cảm, đời sống hàng ngày của con người đến thế thì chỉ có riêng ở nhân vật ông Hai. Những nỗi đau, những niềm vui đó phản ánh chân thực, sinh động sự gắn bó máu thịt của ông với làng quê, với đất nước, với cách mạng. Ông đến với cách mạng, yêu cách mạng một cách tự nhiên là nhờ tình yêu làng đó, thật đúng như lời nhà văn I-li-a Ê-ren-bua đã nói, “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”.

Chính sự hài hòa giữa tình yêu làng với tình yêu nước, tình yêu cách mạng mà nhân vật được nâng lên một vẻ đẹp mới, vừa truyền thống, vừa đầy tính dân chủ mới mẻ, mang một, tầm vóc mới cho người nông dân thời kháng chiến chống Pháp. Tình cảm, mối quan hệ giữa tình yêu làng, tình yêu đất nước, cách mạng là một tình cảm rất điển hình của người Việt Nam lúc bấy giờ. Chính nó cũng tạo sức sống riêng, đánh dấu mốc quan trọng trong đề tài người dân quê quen thuộc của nhà văn Kim Lân.

Ý thức được trách nhiệm của bản thân trong cộng đồng, trong công cuộc chiến đấu chung của dân tộc là nét mới của người nông dân Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám. Vẻ đẹp của ông Hai làng Dầu tiêu biểu cho những người nông dân Việt Nam, tuy trình độ văn hoá thấp, nhưng đã có ý thức giác ngộ cao, tha thiết yêu quê hương, Tổ quốc. Với những suy nghĩ thật đúng đắn về cách mạng, ông Hai xứng đáng là một điển hình người nông dân trong buổi giao thời mới – cũ.

Mẫu 5:

Trong những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta, nhiều thành phố, làng mạc gần thủ đô hoặc các địa phương trọng yếu tản đi các nơi khác. Giữa bối cảnh ấy, truyện ngắn “Làng” của Kim Lân ra đời và được xem như một truyện ngắn hay. Nhân vật chính trong truyện, ông Hai là người yêu mến, gắn bó với làng quê mình. Theo dõi từ đầu đến cuối truyện ngắn, nhân vật ông Hai để lại trong lòng người đọc một cảm tình sâu đậm, khó quên.

Khép sách lại rồi, ấn tượng rõ nhất về ông Hai là một người yêu mến làng quê bằng tình yêu say đắm. Tình yêu ấy ở ông như một ngọn lửa hừng hực không nguôi.

Đối với ông, cái gì ở làng ông cũng đáng tự hào. Trong câu chuyện phiếm với bạn bè, bao giờ cũng vậy, cuối cùng, khi câu chuyện tin tức hàng ngày đã nhạt rồi, ông xoay đến chuyện cái làng của ông. Ông nói chuyện về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường – “Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển, hoạt động”. Khoe làng ông có một cái phòng Thông tin sáng sủa rộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh thì cao bằng ngọn tre. Ông khoe làng ông nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh.

Đường trong làng toàn lát đá xanh, trời mưa đi bùn không dính đến gót chân, ngày mùa phơi thóc, phơi rơm thì tốt thượng hạng,.. Những điều ông khoe khoang, tuy phần nào có hơi quá nhưng vẫn là chính đáng vì nó xuất phát từ tình yêu mãnh liệt của ông đối với quê hương.

Nhưng cũng có lúc tình yêu ấy khiến ông mù quáng đến nỗi ông tự hào cả những chuyện rất khôi hài. Đó là chuyện ông hãnh diện cho làng có được cái sinh phần của viên Tổng đốc làng ông. Mỗi lần khách bên họ ngoại ở dưới tỉnh Nam lên chơi, thế nào cũng dắt ra xem làng cho kì được. Ông thấy làng ấy một phần như có ông. Mãi đến sau Cách Mạng

Tháng Tám, ông mới nhận ra chỗ sai lầm của mình, vì chính cái đình cơ ấy đã gây ra bao đau khổ cho dân làng. Có người ốm, có người chết, có người làm mấy tháng trời không được một đồng công nào. Phần ông, ông bị một chông gạch đổ vào làm bại một bên hông. Cái chân ấy bấy giờ vẫn còn đi khập khiễng cũng vì cái làng ấy.

Khi cuộc kháng chiến bùng nổ, ông Hai cùng vợ con phải tản cư đến một làng khác. Biết bao buồn bực trong lòng ông. Vốn là người hay làm, ở quê ông làm suốt ngày. Từ ngày tản cư lên đây, suốt ngày nhong nhong ngồi ăn, tối đến lại ngồi nghe vợ con tính toán tiền nong, ruột gan ông lại nóng lên như lửa đốt. Ông phải đi chơi cho khuây khỏa. Ngày ngày, ông sang nhà bác Thứ một phần để biết tin tức, nhưng chủ yếu là được nói chuyện về làng ông.

Ông khoe những ngày khởi nghĩa rộn rập ở làng, những buổi tập quân sự, có đào hố, đắp ụ, đào giao thông hào chiến đấu... Cứ như vậy, suốt cả buổi tối ông Hai nói liên miên đủ thứ chuyện, không cần bác Thứ có quan tâm đến không – “Thực ra, ông chỉ nói cho sướng miệng và đỡ nhớ cái làng của ông thôi”. Đó chính là tấm lòng chân thật gắn bó của ông với làng, cũng là niềm tự hào chân chính của ông về làng.

Những ngày đầu kháng chiến, ông tự hào về làng Dầu không chỉ vì nó đẹp mà còn vì làng đã tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc. Ở nơi tản cư, chính những tin tức về kháng chiến đã làm cho ông khuây khỏa nỗi nhớ làng. Nghe anh dân tộc đọc báo trong phòng Thông tin, ông lấy làm khâm phục những con người anh hùng trong kháng chiến: một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong dũng cảm cắm quốc kì lên tháp Rùa, một anh trung đội trưởng khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng. Ông tâm đắc: “ Khiếp thật, tính những người tài giỏi cả”. Ông hả hê trước thất bại của địch: chỗ này giết được năm Pháp với hai Việt gian, chỗ kia phá đổ một xe tăng và một xe đíp,.. “Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá”. Tấm lòng ông đối với quê hương đơn giản như thế đó!

Nhưng đau khổ thay cho ông Hai khi nghe những người mới tản cư lên sau cho biết làng Dầu của ông theo Việt gian. “Cổ ông lão nghẹn đắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được”. Bao nhiêu điều tự hào bấy lâu nay bỗng sụp đổ tan tành, Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên Việt gian theo giặc. “Ông cúi gằm mặt xuống mà đi”. Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, không buồn ăn uống, làm việc gì cả.

Nhìn lũ con, nghĩ đến sự rẻ rúng, hắt hủi con người ta đối với dân làng Việt gian, nước mắt ông cứ tràn ra. Rồi ông lo cho mục chủ nhà biết được không cho gia đình ông ở nhờ. Có đến ba bốn hôm liền, “ông Hai không bước chân ra ngoài, cả đến lên bác Thứ ông

cũng không dám sang”. Lúc nào ông cũng nom nớp tưởng như người ta đang bàn đến “cái chuyện ấy”. Chỉ những người yêu mến gắn bó tha thiết với làng quê mới có nỗi khổ nhục ray rứt như thế.

Hơn lúc nào hết, trong lòng ông canh cánh băn khoăn: trở về làng ở lại tản cư? Ông đã từng nhớ làng da diết, từng ao ước được trở về làng. Nhưng “vừa chớm nghĩ vậy, lập tức lão phản đối ngay” ... “Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ cụ Hồ “. Thật là cảm động khi ta bắt gặp suy nghĩ của ông: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Lắng nghe tâm sự giữa ông và thằng con út, chúng ta cảm thấy xót lòng khi “Nước mắt ông chảy ra, chảy ròng ròng trên hai má” vì câu nói của thằng bé: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm”. Sự việc đó cũng đồng nghĩa với tình yêu đất nước mà ông hằng ấp ủ trong lòng dù làng Dầu có theo giặc.

Nhưng rồi cũng có ngày sự thật sẽ phơi bày. Cái điều ông Hai mong mỏi cũng đã đến: làng Dầu không bao giờ là làng Việt gian. Chỉ mới nghe người làng đến chơi thì thăm to nhỏ, ông Hai đã đóng khăn gói chỉnh tề tất cả đi theo hấn. “Ông vội vã đến quên cả dặn trẻ coi nhà”. Đến xẩm tối ông trở về, mặt mày rạng rỡ hẳn lên, vừa đến đầu ngõ, ông lão đã lên tiếng gọi con trẻ ông chia quà, rồi “ông lão lật đật đi thẳng sang gian bác Thứ” để cải chính cái tin làng Dầu là làng Việt gian. Niềm vui sướng trong lòng ông tràn trề cả ra bên ngoài.

Ông chia quà cho lũ con như chia sẻ những niềm vui cho chúng. Báo tin nhà mình bị Tây đốt một cách vui mừng như một bằng chứng hùng hồn rằng ông không phải là Việt gian. Ông lật đật đi hết nơi này đến nơi khác, “cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người”. Niềm vui sướng trong lòng ông thật là vô bờ bến, thốt thành lời: “Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính ...”. Tối hôm ấy, ông Hai sang bên nhà bác Thứ, lại ngồi chiếc chõng tre mà nói chuyện về cái làng của ông đến tận khuya.

Dõi theo câu chuyện, chúng ta hiểu ông Hai từ một người âu yếm làng quê mình một cách quá đáng, ông đã gắn liền tình cảm đó với tình yêu đất nước. Chính vì vậy mà làng Dầu của ông có như thế nào đi nữa, ông vẫn một lòng, một dạ ủng hộ cách mạng, ủng hộ cụ Hồ. Hành động đó là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước chân thành của người nông dân. Đó chính là thước đo của tấm lòng con người đối với quê hương đất nước mình. Tình cảm đó rất cao đẹp và rất đáng được trân trọng hơn tất cả các phẩm chất của con người.

Mỗi người đều có quê hương của mình và mỗi người đều có một tình yêu quê hương tha thiết. Ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân cũng yêu quê hương đến cháy dạ, cháy lòng. Đọc qua tác phẩm này, lòng em bỗng xôn xao một niềm vui vì câu chuyện đã



khơi dậy trong em tình yêu quê hương đất nước. Từ đây em càng yêu làng xóm, quê hương của mình hơn. Những hình ảnh đói nghèo của bà con trong xóm, cũng như trước khó khăn chung của nhân dân, em thấy mình cần phải cố gắng học tập thật nhiều hơn nữa để góp phần xây dựng quê hương đất nước mình thêm đẹp, thêm giàu.

### *Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 6*

Kim Lân là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và có sáng tác đăng báo trước cách mạng tháng 8/1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân. Truyện ngắn “Làng” được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông Hai, nhân vật chính của truyện rất yêu mến và gắn bó với làng quê của mình. Đặc điểm trên đã thể hiện rõ qua các trạng thái tình cảm khác nhau của ông với làng.

Ông Hai, thật vậy, đã yêu cái làng chợ Dầu của mình bằng một tình yêu đặc biệt. Đây là nơi tổ tiên, cha mẹ ông đã từng sinh trưởng và cũng là nơi chôn rau cắt rốn của ông. Do vậy, ông yêu làng này bằng một tình yêu vốn có từ lâu, sâu sắc và bền vững như tình yêu của một nông dân gắn bó với quê hương, nói cụ thể hơn là gắn bó với cảnh vật và con người của mảnh đất quê hương ấy. Bởi thế, mỗi lần nói đến làng chợ Dầu ấy, ông đều nói với giọng say mê, náo nức lạ thường. “Hai con mắt sáng hẳn lên. Cái mặt biến chuyển hoạt động”... Ông yêu tất cả những cảnh vật ở làng ông, nên mạnh dạn tự hào: ”Nhà ngói san sát sầm uất như tỉnh”, đường trong làng ”toàn lát đá xanh, trời mưa đi, bùn không dính đến gót chân”, “phơi thóc rơm thì tốt thượng hạng”. Đôi khi ông cường điệu, ông tự hào mãnh liệt đến cả cái sinh phần của cụ Thượng “vườn hoa cây cảnh nom như động ấy”.

Mãi đến sau cách mạng tháng Tám, ông mới nhận ra chính cái dinh cơ của quan Tổng đốc ấy đã đem lại bao nỗi khổ ải cho dân làng. Có người bệnh, có người chết, bao nhiêu người làm việc không công. Riêng phần ông đã bị một đồng gạch đổ vào bại một bên hông. Cả cái chân ông sau này khập khiễng, đi đứng không ngay ngắn được cũng là do cái lạng tai ác ấy. Dưới mắt ông, cái gì của làng chợ Dầu cũng lớn, cũng đẹp hơn hẳn những thứ của thiên hạ. Từ cái phòng thông tin triển lãm “sáng sủa và rộng rãi nhất vùng”, đến cái chòi phát thanh trong làng, cả đến cây lúa ngoài đồng... Cái gì của làng cũng làm ông say mê, hãnh diện, tự hào.

Lúc cuộc kháng chiến của cả dân tộc bùng lên, lòng yêu mến làng quê của ông Hai đã có những chuyển biến rõ rệt. Nếu trước kia, ông hãnh diện vì làng chợ Dầu giàu có, tươi đẹp, cái sinh phần của cụ Thượng tốt tươi, mới lạ, thì sau cách mạng tháng Tám, nhờ giặc

ngộ chính trị, ông lại tự hào về không khí cách mạng sôi nổi ở làng ông. Từ những buổi tập quân sự, những hố, những ụ, những giao thông hào chiến đấu, ông đã bộc lộ niềm sung sướng của mình trước những sự thay đổi đó. Sự xuất hiện của những phòng thông tin, chòi phát thanh, đúng là cuộc đời, số phận ông thực sự gắn liền với những thăng trầm của làng Dầu yêu dấu của ông. Đối với ông Hai khi ấy, tình yêu làng mạc và tình yêu đất nước đã chan hòa làm một trong tình cảm và nhận thức của ông.

Những ngày đầu kháng chiến, ông luôn luôn tự hào về việc làng Dầu của mình đã tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc. Ngay bản thân ông cũng đã nhiệt tình cùng với mọi người đi đào đường, đắp ụ để cản giặc và ông tha thiết muốn ở lại làng để trực tiếp chiến đấu. Nhưng sau đó ông Hai phải theo vợ con tản cư đến một làng khác. Nỗi nhớ làng không nguôi, ở nơi tản cư, ông đã tin tức về kháng chiến. Không đọc được báo, ông đã tìm hỏi tin cho bằng được. Trước tin một em bé ở ban tuyên truyền xung phong dũng cảm cầm cờ lên Tháp Rùa; một anh trung đội trưởng giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng quả lựu đạn cuối cùng, ông Hai cứ tấm tắc khen: “Khiếp thật! Tinh là những người giỏi cả”. Ngoài việc khâm phục những người anh hùng trong kháng chiến, ông Hai còn hả hê trước thất bại của địch: Chỗ này giết được tên Pháp với hai tên việt gian, chỗ kia phá đổ một xe tăng và một xe díp “ruột gan của lão cứ múa cả lên, vui quá”.

Nhưng không có gì đau đớn, tủi nhục cho ông Hai bằng khi nghe một người đàn bà tản cư từ dưới xuôi lên nói: “Cả làng chúng nó (làng Dầu) việt gian theo Tây”, “Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông à!”, “cổ ông Hai cứ nghẹn lại, da mặt tê rân rân”. “Ông lặng đi tưởng như không bao giờ thở được”. Niềm tự hào bao lâu bỗng chốc tan tành, sụp đổ. Giá không yêu nơi sinh trưởng của mình, ông đâu cảm thấy đau đớn và nhục nhã đến thế. Ông vờ đứng lảng ra chỗ khác rồi đi thẳng, “cúi gằm mặt xuống mà đi”. Về đến nhà, “ông nằm vật ra giường”, nước mắt ông cứ tràn ra. Khi nhìn đàn con, chưa bao giờ ông đau đớn đến thế, nghĩ rằng: “Chúng nó là trẻ con làng việt gian đấy ư?”

Ông Hai căm ghét bọn phản bội làng, phản bội Tổ quốc. Nỗi đau đớn và nhục nhã và lo sợ của ông lên tới cao độ khi nghe tin nhân dân địa phương có người làng Dầu tản cư đến là họ tấp chày dân làng ông, “đến đâu có người chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi”, ngay mục chủ nhà cũng đã đuổi khéo vợ chồng, con cái ông ra khỏi nhà. Trước tình cảnh ấy, ông Hai bế tắc nhưng nhất định không chịu trở về làng: “Về làng là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ”. Cũng không thể đi đâu, ở đâu, người ta cũng đuổi người làng chợ Dầu của ông.

Từ đau đớn nhục nhã như thế, ông Hai lại biết bao vui sướng khi nhận được tin làng ông bị giặc phá, nhà ông bị giặc đốt. Nghĩa là làng Dầu của ông không hề theo giặc. “Tây nó

đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ, đốt nhẵn rồi”. Ông Hai cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy cho mọi người. “Vui mừng vì nhà mình bị đốt!” một niềm vui thể hiện một cách đau xót và đầy xúc động thể hiện tinh thần yêu nước, yêu cách mạng của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Nỗi vui mừng của ông Hai ở đây thật vô bờ bến. Ông hào phóng mua quà cho các con, ông muốn san sẻ niềm vui sướng ấy cho mọi người trong đó có cả mẹ chủ nhà từng gieo cho ông nhiều nỗi bực dọc, căm tức. Từ một người yêu mến đắm say làng mạc của mình, ông Hai đã gắn tình yêu ấy với tình yêu đất nước, chính vì thế mà làng Dầu của ông có như thế nào đi nữa, ông vẫn một lòng, một dạ ủng hộ kháng chiến, ủng hộ Cụ Hồ.

Thật đúng như nhà văn I-li-a Ê-ran-bua nói: “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”. Quả thật, ông Hai là hình ảnh đẹp của những người nông dân bình thường nhưng giàu lòng yêu nước trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trước đây (1946-1954). Nhà văn Kim Lân đã có những thành công trong việc xây dựng hình tượng người nông dân trong cuộc kháng chiến chống Pháp với những tình cảm chân thực và thấm đượm tình yêu quê hương, đất nước.

### *Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 7*

Khắc họa hình ảnh những người nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhà văn Kim Lân đã thể hiện thật rõ nét hình tượng đó qua nhân vật ông Hai qua tác phẩm Làng. Truyện ngắn để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc về một nông dân chất phác, yêu mến và gắn bó với quê hương bằng một tình yêu tha thiết.

Tác phẩm ra đời từ năm 1948, bối cảnh là cuộc tản cư kháng chiến chống thực dân Pháp. Ông Hai trong tác phẩm là một người nông dân người làng chợ Dầu, cùng gia đình đi tản cư để phục vụ kháng chiến như thế. Mặc dù phải rời xa quê hương nhưng ông luôn trăn trở, nhớ nhung về cái làng của mình với bao sự lưu luyến

Tình yêu của ông đối với cái làng Chợ Dầu được thể hiện bằng việc ông hay say mê kể về cái Làng của mình. Trước cuộc kháng chiến ông khoe về cái dinh phần của viên quản đốc làng ông: “Chết! Chết!, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ của cụ thượng làng tôi”. Mặc dù, ông chẳng có họ hàng thân thích gì với nhà viên quản đốc nhưng ông vẫn gọi là “cụ” một cách rất hả hê. Nhưng khi kháng chiến chống Pháp bùng nổ, làng ông được giải phóng, người ta không thấy ông nhắc tới cái làng đó nữa.

Bởi trong ông đã sự thay đổi về nhận thức, ông nhận thức được “cái làng” đó làm cho cả làng ông khổ, chẳng thế mà “Xây cái làng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó...”, cũng vì nó mà chân ông bị tật. Từ niềm tự hào, niềm hãnh

diện, bây giờ ông thù nó, bởi nó là kẻ thù của cả làng, nó làm cho biết bao người phải bỏ mạng..... Bây giờ, ông khoe làng ông được giải phóng, ông được tham gia vào kháng chiến “từ thời còn trong bóng tối”, những nhà ngói san sát, đường lát toàn đá xanh.....

Ở nơi tản cư, điều khiến ông sung sướng nhất là được khoe về cái làng của mình, dường như đối với ông trong cuộc sống chẳng còn điều gì thú vị nữa, ông chẳng bận tâm tới bất kỳ điều gì khác ngoài những tin tức về cái làng của mình “ở nơi tản cư, ông nhớ cái làng của ông, nhớ những ngày được làm việc cùng với anh em, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra..”. Trong lòng ông lão lại náo nức cả lên. Lúc này, niềm vui nhất của ông là được nghe những tin tức về cái Làng của mình. Hình ảnh ông Hai hiện lên thật đáng yêu, ông ghét những người biết chữ, ra về ta đây, đọc báo mà chỉ đọc có một mình, không đọc to lên cho tất cả mọi người cùng nghe.

Tác giả tạo ra tình huống tản cư, hình ảnh ông Hai hiện lên mang đầy đủ với những phẩm chất quý báu của những người nông dân Việt Nam hiền lành, chịu thương chịu khó. Đối với ông, đi tản cư âu cũng là kháng chiến, ở nơi tản cư ông làm tất cả mọi việc, từ cuộc đất trồng rau, chăm sóc bọn trẻ con..... Hình ảnh ông vừa là hình ảnh đậm chất nông dân với “Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sỹ”. Nỗi nhớ về quê hương của ông cứ chổng chát, ông nhớ, ông đem làng ra kể cho cái nhớ ấy vui bớt... ông nghe ngóng nó qua báo đài, qua những người tản cư

Ông Hai đau đớn nghe tin làng mình theo giặc. Cái tin “làng Chợ Dầu theo giặc” mà ông nghe được của một người đàn bà tản cư làm ông lão cảm thấy choáng váng, như tiếng sét giữa trời quang. “Cổ ông lão nghẹn đặng lại, giọng ông lạc hẳn đi, da mặt tê rân rân. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ...”. Ông cúi gằm mặt xuống mà đi, Ông nghĩ đến sự khinh ghét của bà chủ nhà, của bà con lối xóm “rồi đây ai người ta chứa, ai người ta buôn bán mấy”. Tâm trạng ông lão như vừa mất đi thứ gì thiêng liêng lắm. Ông luôn tự hào về quê hương mình, luôn khoe làng mình như một ví dụ điển hình cho đấu tranh giải phóng, chống giặc. Vậy mà giờ đây, ông lại phải nghe tin làng mình theo giặc, không giấu nổi sự nhục nhã ông vờ đứng rồi lảng ra chỗ khác, cúi gằm mặt xuống mà đi. Về tới nhà, ông nằm vật ra giường, dường sự bao niềm tin, bao tự hào của ông đều sụp đổ, nước mắt ông giàn ra. Nhà văn Kim Lân diễn tả tâm trạng của ông Hai thật xúc động. “Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu?...”. Đau đớn, tủi hổ, nếu như ông không yêu làng đến thế, không tự hào như thế, thì giờ đây khi nghe tin dữ ông đã không cảm thấy ê chề như vậy. Khổ thân ông lão

vốn xởi lởi, vui tính, ban đầu ông nghi ngại, ông tự hỏi lòng mình, trong đầu ông điềm lại những nhân vật trong làng “Mà thằng chánh Bệu đích thực là người làng rồi.

Dường như, ông không thể chấp nhận nổi cái tin đó, ông đấu tranh nội tâm một cách giữ dội nhưng rồi cuối cùng phải chấp nhận nó với những minh chứng rõ ràng. Sự đau đớn đến tột cùng, có lẽ nếu như phải nghe tin làng bị cháy rụi hay bị giặc đốt phá có lẽ ông lão không cảm thấy xót xa như bây giờ. Có lẽ, đối với ông đây là điều tủi hổ nhất “Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian”. Những lời đó như được xuất phát từ trái tim ông, cả đời ông có lẽ chưa bao giờ phải chịu cảnh tủi nhục như thế, nó được cất lên từ một niềm tin hoàn toàn bị sứt đổ, từ một tình yêu tha thiết. Ông không những chỉ đau cho mình, cho gia đình mình, mà còn đau cho tất cả những người cùng quê hương cũng đang lưu lạc trên khắp mọi miền đất nước “lại còn biết bao người làng, đang tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã biết cái cơ sự ngày chưa...’.

Đến khi, cái tin làng Chợ Dầu theo giặc được cải chính, tất cả những nỗi đau, tủi nhục được thay thế bằng niềm sung sướng, hân hoan “Tất cả đều là sai sự mục đích cả... tất cả đều là sai sự mục đích cả”. Ông Hai báo cái tin làng bị giặc phá với niềm sung sướng tột độ, mặc dù nhà ông bị giặc đốt nhưng dường như ông chẳng có chút đau buồn nào “Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ, đốt nhẵn...”. Ông hạnh phúc bởi, cái sự mát mát của ông, của quê hương ông cũng chính là minh chứng rõ ràng nhất cho lòng trung thành dành cho cách mạng

Nhà văn Kim Lân đã khắc họa thật rõ nét nhân vật ông Hai, hình ảnh ông cũng là đại diện cho tầng lớp nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

### *Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 8*

Kim Lân là nhà văn rất am hiểu cuộc sống của người nông dân ở nông thôn miền Bắc. Tất cả các truyện của ông đều xoay quanh cảnh ngộ và sinh hoạt của người nông dân. Truyện "Làng" được Kim Lân sáng tác trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. Nhân vật chính là ông Hai người làng chợ Dầu. Tác giả đã miêu tả khá thành công diễn biến tâm trạng của ông khi nghe tin đồn làng ông theo giặc. Qua đó, tác giả muốn ca ngợi tinh thần yêu nước của ông nói riêng và của người dân Việt Nam nói chung.

Ông Hai là người rất tự hào về cái làng chợ Dầu của mình. Khi phải di tản cư ông cứ nhắc đi nhắc lại với những người chung quanh cái không khí cách mạng của làng ông: "Cả giới phụ lão có cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai...". Cứ như vậy, suốt cả buổi tối, ông lão ngồi vén quần lên tận bẹn mà nói liên miên về cái làng của ông. Ông

nói cho sướng miệng và để cho đỡ nhớ làng chứ không chú ý người khác có nghe không ? Sau những giây phút làm việc mệt nhọc, nằm gác tay lên trán, ông lại nghĩ về làng. Ông cứ muốn về làng, muốn được "cùng mọi người đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...". Vì quá yêu, quá tự hào về cái làng của ông mà ông "ngheen đáng hãnh lại, da mặt tê rân rân", "chết lặng đi tưởng như không thở được" khi nghe tin cả làng mình theo Việt gian ! Lúc đầu ông không thể tin, ông hỏi đi, hỏi lại "giọng ông như lạc hẳn": "Liệu có thật không hở bác. Khi có người quả quyết vì ra ở dưới ấy lên và nói chắc như đinh đóng cột ở làng ông "Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi"... , thì ông Hai không thể nghe thêm được nữa. Ông đánh trống lảng rồi đi thẳng. Văng vẳng bên tai ông tiếng người đàn bà cho con bú: "Cha mẹ tiên sư chúng nó ! Đói khổ ăn cắp, ăn trộm bắt được người ta còn thương. Còn giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát !". Những lời nói ấy như những nhát dao chém vào ông, tim ông se thắt lại. Bao nhiêu câu hỏi giằng xé trong ông. Tức quá, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: "Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này !" ... Rồi ông nghĩ lại "chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được, ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả. Trong ông đang diễn ra sự giằng xé. Nửa tin, nửa ngờ.

Đêm đó, ông Hai không sao ngủ được, "ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài". Khi mục chủ nhà nói xa nói gần không chứa chấp người làng làm Việt gian, ông lão ngồi lặng đi. Bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn nối tiếp bời bời trong đầu ông, ông định quay về làng. Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông phản đối ngay: "Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó Theo Tây cá rồi, về làng tức từ bỏ kháng chiến". Nghĩ vậy nước mắt ông giàn dụa. Nhớ lại thuở xưa - thuở cuộc đời đen tối, lầm than, ông "rợn cả người"... Chỉ chùng ấy chi tiết. Kim Lân đã cho người đọc hiểu tình cảm của ông Hai đối với Cách mạng, đối với đất nước như thế nào. Nếu không yêu nước, không tin tưởng vào Cách mạng làm sao ông uất nghẹn, đau khổ đến như thế. Và cũng chính điều đó mà ông đã mừng rơn lên khi biết đích xác những lời kia chỉ là sự đồn đại láo toét. Ông đi tìm bác Thứ để thanh minh: "Chính cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo ! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả " Ông cứ lặp đi lặp lại câu "láo hết, toàn là sai sự mục đích cả", ông Hai còn múa tay lên mà khoe tin ấy với mọi người... Và tối hôm ấy, ông lại sang bên nhà bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre, vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông... Kim Lân đã chọn được một tình huống khá độc đáo. Cách thể hiện lòng yêu nước của nhà văn cũng có nét riêng không giống với bất cứ nhà văn nào cùng thời.

Có thể nói "Làng" là một truyện ngắn khá hay. Thành công lớn nhất về mặt nghệ thuật là khả năng miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật. Đoạn ông Hai nghe tin đồn làng ông làm Việt gian đã thể hiện tài năng miêu tả tâm lí nhân vật của Kim Lân. Thông qua nhân vật ông Hai, tác giả muốn ca ngợi tình yêu quê hương, tình yêu đất nước, sự giác ngộ cách mạng của những người nông dân hiền lành, chất phác. Chính tình yêu quê hương đất nước, ý thức giác ngộ cách mạng ấy mà họ một lòng theo Đảng, theo Cách mạng, đứng lên giành quyền sống, giữ vững nền độc lập tự chủ của dân tộc trước mọi gian nan, thử thách.

### *Phân tích nhân vật ông Hai - Mẫu 9*

Kim Lân là một nhà văn có sở trường về mảng đề tài cuộc sống của con người ở nông thôn Việt Nam. Theo Nguyên Hồng thì đó là một nhà văn "lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống, con người ở thôn quê. Nhà văn Kim Lân đã viết thành công tác phẩm Làng ở giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám. Tác phẩm đã gợi nhiều suy nghĩ cho người đọc về những chuyển biến mới trong tình cảm của người dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Đặc biệt là nhân vật ông Hai với tình yêu làng và tình yêu nước sâu sắc.

Làng là một tác phẩm ra đời vào đầu những năm kháng chiến chống Pháp. Chuyện có kết thúc đơn giản, xoay quanh nhân vật ông Hai với những tình cảm của ông về làng Chợ Dầu của mình. Ông Hai đã trở thành một hình tượng tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trước Cách mạng tháng Tám, mỗi khi kể về làng của ông, ông chỉ khoe và tự hào về cái sinh phần ở cuối làng của Viên Thống Đốc làng mình cho dù chính bản thân ông và nhiều người đã phải khổ tâm về cái sinh phần ấy. Nhưng sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, ông lại có suy nghĩ và nhận thức khác về làng mình. Ông không còn khoe cái sinh phần ấy nữa mà ông lại đi khoe rằng làng mình là một làng kháng chiến, từ cụ già đến trẻ con đều là những người có tinh thần chiến đấu.

Ông Hai rất yêu làng mình nhưng theo lệnh của cụ Hồ, ông phải xa làng đi tản cư ở một nơi khác. Ông buồn lắm và ông đã tự an ủi mình rằng "đi tản cư cũng là đi kháng chiến". Nhưng ông lòng ông luôn day dứt vì nhớ làng và các anh em ở lại làng. Những lúc nhớ làng, "ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá". Hằng ngày, ông thường đến phòng thông tin để nghe tin tức kháng chiến. Ruột gan ông "cứ múa cả lên" vì phấn khởi khi nghe được tin: "Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kì lên Tháp Rùa". Và tin: "Một anh

trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng". Chắc hẳn chính tình yêu nước đã làm ông cảm thấy vui khi nghe mấy tin ấy. Ông buồn khổ, tủi nhục và bàng hoàng khi nghe tin làng Chợ Dầu của ông theo giặc: "Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được". Mấy ngày liền ông không dám ra đường vì xấu hổ: "Ông Hai nằm vật ra giường"; "nước mắt ông lão cứ dàn ra"; "tâm trạng ông đầy giằng xé"; "bao nhiêu ý nghĩ đen tối ghê rợn nối tiếp, bời bời trong đầu óc ông lão. Biết đem nhau đi đâu bây giờ?". Có lúc ông đã nghĩ sẽ trở về làng nhưng "về gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo giặc cả rồi". Nhưng ông đã kiên quyết "làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây thì phải thù". Ông chỉ biết tâm sự với đứa con trai bé bỏng của ông để vơi bớt buồn khổ và khẳng định tấm lòng của mình đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ.

Ông càng buồn khổ bao nhiêu, ông càng sung sướng bấy nhiêu khi nghe tin làng ông được cải chính. Ông chạy khắp xóm, gặp ai là khoe rằng giặc Tây đốt nhà của ông. Đó là một minh chứng xác thực cho làng Chợ Dầu của ông không theo giặc: "Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác a. Đốt nhẵn!...Toàn sai sự mục đích cả". Nói xong ông lại đi nơi khác để báo cho nhiều người biết về cái tin ấy. Mọi niềm vui, niềm tin của ông Hai không chỉ bó hẹp trong sự bình yên của bản thân và gia đình mà tất cả mọi người đều cảm thấy được điều đó.

Nhân vật ông Hai là một người nông dân với tất cả sự chân chất, mộc mạc đã bước vào trang sách của Kim Lân, để lại nhiều tình cảm đẹp trong tâm hồn người đọc một sự yêu mến, sự trân trọng và cảm phục. Qua đó, ta thấy được những biểu hiện cụ thể về tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

Qua tác phẩm Làng, nhà văn Kim Lân đã thành công trong việc đổi mới trong nhận thức và tình cảm của người nông dân Việt Nam trong giai đoạn chống Pháp. Một người nông dân cần cù, chân chất, thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu khuất thân với giặc. Đó chính là vẻ đẹp của tình yêu nước sâu thẳm của nhân vật ông Hai. Đáng cho chúng ta trân trọng.